

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU MỚI JOHNSON**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU MỚI JOHNSON

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703192075

**3. Ngày thành lập:** 27/02/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 28, Đường N5, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0911811109

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                    | 4620     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                        | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                           | 4659     |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng)                                      | 4662     |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                   | 4663     |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                         | 4669     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                   | 8299     |
| 8.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên              | 7211     |
| 9.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ | 7212     |
| 10. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược               | 7213     |
| 11. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp           | 7214     |
| 12. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                   | 7490     |
| 13. | Bán buôn tổng hợp                                                                         | 4690     |
| 14. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                        | 4719     |
| 15. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                            | 1610     |
| 16. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                         | 1621     |

|     |                                                                                                                                                                                                |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 17. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                        | 1622                                                         |
| 18. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                        | 1623                                                         |
| 19. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rá và vật liệu tết bện                                                                                                       | 1629                                                         |
| 20. | Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                            | 1702                                                         |
| 21. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                       | 1812                                                         |
| 22. | Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế                                                                                                                                                              | 1920                                                         |
| 23. | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(trừ sản phẩm hóa chất không được cấp phép)                                                                                                                        | 2011                                                         |
| 24. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                           | 2013                                                         |
| 25. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                         | 2029                                                         |
| 26. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                                                                                                                               | 2219                                                         |
| 27. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                   | 2220                                                         |
| 28. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                   | 2592(Chính)                                                  |
| 29. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                    | 2599                                                         |
| 30. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                            | 2731                                                         |
| 31. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                         | 2732                                                         |
| 32. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                        | 2733                                                         |
| 33. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                              | 2740                                                         |
| 34. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                      | 2750                                                         |
| 35. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                    | 2790                                                         |
| 36. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                  | 2822                                                         |
| 37. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                 | 4933                                                         |
| 38. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                    | 5210                                                         |
| 39. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                          | 7810                                                         |
| 40. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                  | 3100                                                         |
| 41. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                           | 3290                                                         |
| 42. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                     | 3312                                                         |
| 43. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                        | 3320                                                         |
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4752                                                         |
| 45. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                        | 4759                                                         |
| 46. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                       | 4773                                                         |
| 47. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 3.600.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: HÀ KIM THÁI

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/05/1980

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079180009967

Ngày cấp: 29/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 19/3, Đường Cao Văn Lầu, Phường 01, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 19/3, Đường Cao Văn Lầu, Phường 01, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ZENG, XIAOHONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/09/1975

Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: EF1252332

Ngày cấp: 17/01/2019

Nơi cấp: Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: Room 2014, No.2 Kailuo Road, Huangpu District, 510735. Guangzhou, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 28, Đường N5, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương